CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈM BÌNH ĐÀ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈM BÌNH ĐÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHEM BINH DA JOINT STOCK COMPNAY

Tên công ty viết tắt: CHEM BINH DA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110168090

3. Ngày thành lập: 01/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km8, Quốc lộ 21B, thôn Bình Đà, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0967723767* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,	*4329*
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng: - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, - Ô tô chuyên dụng: xe quét đường, xe phun nước, xe trọng bê tông...; (trừ đấu giá)	*4511*
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	*4513*
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	*4610*
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản: cám, gạo, ngô, sắn...	*4620*
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	*4659*

8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	*4662*
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	*8299*
12.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 92 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP); -Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Điều 93 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).	*7110*
14.	Quảng cáo (trừ hoạt động quảng cáo thuốc lá)	*7310*
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	*7410*
16.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Sản xuất bột thô: sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác;	*1061*
17.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất bột thô: sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác;	*1062*
18.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
19.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395(Chính)*
20.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: - Sản xuất máy trộn bê tông và vữa; - Sản xuất máy đóng, máy ép cọc, máy trải vữa, trải nhựa đường, máy rải bê tông...	*2824*
21.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Xe vận tải trộn bê tông;	*2910*
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
24.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
25.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Ủy thác xuất nhập khẩu;	*5229*
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*

30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
31.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
32.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
33.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
34.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ: Hoạt động nổ mìn)	*4312*
37.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	*4759*

6. Vốn điều lệ: 10.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.050.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ DUY KHÁNH	Khu 3, Thị Trấn Thọ Xuân, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	157.500	1.575.000.000	15,000	038083047451	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	157.500	1.575.000.000	15,000		

2	LÊ SƠN HẢI	Xóm 12, Thôn Tả Hà, Xã Văn Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	183.750	1.837.500.000	17,500	035084006142	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	183.750	1.837.500.000	17,500		
3	QUÁCH HUY THỤC	Thôn Hiến Nạp, Xã Minh Khai, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	10,000	034080004617	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	10,000		
4	HOÀNG VĂN MẠNH	Thôn 2, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	183.750	1.837.500.000	17,500	001080018321	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	183.750	1.837.500.000	17,500		

5	NGUYỄN TRỌNG TIÊU	Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	40,000	001078031121	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: LÊ SƠN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/08/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *035084006142*

Ngày cấp: *13/01/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 12, Thôn Tả Hà, Xã Văn Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 12, Thôn Tả Hà, Xã Văn Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội